

Số: .../2015/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày tháng ... năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan
hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HẾ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 25/2010/TT-BTTTT ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc thu thập, sử dụng, chia sẻ, đảm bảo an toàn và bảo vệ thông tin cá nhân trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 19/2011/TT-BTTTT ngày 01 tháng 7 năm 2011 của Bộ thông tin và Truyền thông quy định về áp dụng tiêu chuẩn định dạng tài liệu mở trong cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKH&ĐT-BTTTT ngày 15 tháng 02 năm 2012 giữa Bộ Tài chính – Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước;

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số .../Ttr ngày,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định “**Hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh**”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Thông tin & Truyền thông;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, VP Tỉnh uỷ, Văn phòng HĐND và Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- UB MTTQ tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các hội doanh nghiệp tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

QUY ĐỊNH
Hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan
hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số: .../2015/QĐ-UBND ngày ... của Ủy ban
nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Quy định này được ban hành nhằm quản lý công tác cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế, UBND cấp xã.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dịch vụ hành chính công là những dịch vụ liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật, không nhằm mục tiêu lợi nhuận, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân dưới hình thức các loại giấy tờ có giá trị pháp lý trong các lĩnh vực mà cơ quan nhà nước đó quản lý.

Mỗi dịch vụ hành chính công gắn liền với một thủ tục hành chính để giải quyết hoàn chỉnh một công việc cụ thể liên quan đến tổ chức, cá nhân.

2. Dịch vụ công trực tuyến là dịch vụ hành chính công và các dịch vụ khác của cơ quan nhà nước được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng.

a) Dịch vụ công trực tuyến mức độ 1: là dịch vụ bảo đảm cung cấp đầy đủ các thông tin về thủ tục hành chính và các văn bản có liên quan quy định về thủ tục hành chính đó.

b) Dịch vụ công trực tuyến mức độ 2: là dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 và cho phép người sử dụng tải về các mẫu văn bản và khai báo để hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu. Hồ sơ sau khi hoàn thiện được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ.

c) Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3: là dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và cho phép người sử dụng điền và gửi trực tuyến các mẫu văn bản đến

cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ. Các giao dịch trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ được thực hiện trên môi trường mạng. Việc thanh toán lệ phí (nếu có) và nhận kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ.

d) Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: là dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và cho phép người sử dụng thanh toán lệ phí (nếu có) được thực hiện trực tuyến. Việc trả kết quả có thể được thực hiện trực tuyến, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến người sử dụng.

3. Thông điệp dữ liệu là thông tin được tạo ra, được gửi đi, được nhận và được lưu trữ bằng phương tiện điện tử

4. Văn bản điện tử: là văn bản được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu.

5. Hệ thống thông tin là hệ thống được tạo lập để gửi, nhận, lưu trữ, hiển thị hoặc thực hiện các xử lý khác đối với thông điệp dữ liệu.

6. Cơ sở dữ liệu là tập hợp các dữ liệu được sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, quản lý và cập nhật thông qua phương tiện điện tử.

7. Cơ sở hạ tầng thông tin là hệ thống trang thiết bị phục vụ cho việc sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số, bao gồm mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính và cơ sở dữ liệu.

8. Môi trường mạng là môi trường trong đó thông tin được cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông qua cơ sở hạ tầng thông tin.

Chương II

PHƯƠNG THỨC TRIỂN KHAI VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN TRÊN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

Điều 3. Gửi và nhận văn bản điện tử

Việc gửi và nhận văn bản điện tử tuân thủ theo các Điều 16, 17, 18, 19, 20 của Luật Giao dịch điện tử và thỏa mãn các quy định cụ thể của từng dịch vụ công trực tuyến.

Điều 4. Xây dựng văn bản điện tử

Các đơn vị chịu trách nhiệm cung cấp dịch vụ công trực tuyến phải chủ trì trong công tác xây dựng văn bản điện tử sử dụng trong hoạt động cung cấp trực tuyến dịch vụ công mà đơn vị mình cung cấp. Các văn bản điện tử này phải tuân theo quy định của pháp luật và đáp ứng các yêu cầu sau đây:

1. Thông tin đơn giản, dễ hiểu, không chồng chéo, phù hợp với bộ thủ tục hành chính liên quan;

2. Định dạng theo tiêu chuẩn kỹ thuật được quy định trong Thông tư 01/2011/TT-BTTTT ngày 04/01/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông, dễ dàng tải xuống, hiển thị và in ấn bằng các phương tiện điện tử phổ biến;

3. Thông tin có sẵn trong cơ sở dữ liệu được khai thác để hạn chế việc nhập lại với cùng một nội dung;

Điều 5. Giao dịch văn bản điện tử trên dịch vụ công trực tuyến:

1. Văn bản điện tử phù hợp với pháp luật về giao dịch điện tử có giá trị pháp lý tương đương với văn bản giấy trong giao dịch giữa các cơ quan nhà nước.

2. Văn bản điện tử gửi đến cơ quan nhà nước không nhất thiết phải sử dụng chữ ký điện tử nếu văn bản đó có thông tin về người gửi, bảo đảm tính xác thực về nguồn gốc và sự toàn vẹn của văn bản.

3. Văn bản điện tử đối với công dân và doanh nghiệp thực hiện giao dịch tại dịch vụ công trực tuyến được thực hiện như sau:

a) Đối với các văn bản có áp dụng chữ ký số được xem tính pháp lý tương đương với văn bản giấy.

b) Đối với văn bản không sử dụng chữ ký số các cơ quan tiếp nhận xử lý chấp nhận xử lý văn bản điện tử, công dân và tổ chức sẽ cung cấp văn bản gốc cùng với thời điểm nhận kết quả và đóng phí, lệ phí (nếu có) .

Điều 6. Dịch vụ công trực tuyến mức 1:

1. Dịch vụ công mức 1 bao gồm thông tin về danh sách thủ tục hành chính. Mỗi thủ tục cần chi tiết, công khai các thông tin sau: Nơi tiếp nhận hồ sơ, thời gian tiếp nhận, trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ, số lượng bộ hồ sơ, thời hạn giải quyết, phí, lệ phí, yêu cầu điều kiện, căn cứ pháp lý.

Cơ quan chuyên môn không được thực hiện các quy trình khác với các thông tin đã được công bố.

2. Dịch vụ công mức độ 1 cung cấp thông tin thống kê lượt tra cứu thủ tục.

Điều 7. Dịch vụ công trực tuyến mức 2:

1. Dịch vụ công mức 2 bao gồm các thông tin như dịch vụ công mức độ 1 có bổ sung biểu mẫu điện tử.

2. Dịch vụ công mức độ 2 cung cấp chi tiết các biểu mẫu liên quan đến thủ tục. Biểu mẫu điện tử được cơ quan chuyên môn cung cấp được xác định tính pháp lý và duy nhất. Cơ quan chuyên môn không được sử dụng biểu mẫu giấy khác so với biểu mẫu được cung cấp trên dịch vụ công mức độ 2.

3. Dịch vụ công mức độ 2 cung cấp thông tin thống kê lượt tra cứu thủ tục và lượt tải biểu mẫu thủ tục.

Điều 8. Dịch vụ công trực tuyến mức 3:

1. Dịch vụ công trực tuyến mức 3 bao gồm các thông tin như dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 về các thông tin cơ bản. Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 được cơ quan nhà nước bổ sung thêm giao diện đăng ký trực tuyến thay cho việc đăng ký trực tiếp tại cơ quan nhà nước.

2. Hồ sơ đăng ký tại dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 được thực hiện trực tiếp trên Cổng/ Trang thông tin điện tử cơ quan nhà nước bằng hình thức dữ liệu điện tử.

3. Dữ liệu điện tử được các công dân, tổ chức đăng ký trên cơ sở biểu mẫu điện tử do cơ quan nhà nước cung cấp được xác định tính pháp lý toàn vẹn khi có áp dụng chữ ký số. Đối với các hồ sơ không áp dụng chữ ký số hoặc yêu cầu cung cấp hồ sơ gốc để lưu trữ, hồ sơ điện tử được xem là căn cứ để xử lý dịch vụ công. Hồ sơ gốc sẽ được tiến hành nộp cùng lần sau khi có kết quả xử lý và nộp phí, lệ phí (nếu có).

4. Dịch vụ công trực tuyến mức 3 phải cung cấp công cụ tra cứu tình trạng hồ sơ xử lý và nhật ký quá trình xử lý một thủ tục hành chính trực tuyến.

Thông tin thông báo kết quả xử lý cho tổ chức, công dân được thực hiện qua nhiều hình thức khác nhau tùy vào điều kiện thực tế, song áp dụng hình thức thông báo qua thư điện tử và hình thức bắt buộc, khuyến khích các hình thức thông báo qua SMS hoặc hình thức khác.

5. Cung cấp chức năng hướng dẫn sử dụng, theo dõi tần suất sử dụng, quá trình xử lý và số lượng hồ sơ đã được xử lý đối với từng dịch vụ công trực tuyến

Điều 9. Dịch vụ công trực tuyến mức 4:

1. Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 là dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 có bổ sung chức năng thanh toán phí, lệ phí trực tuyến thông qua ngân hàng hoặc các hệ thống ứng dụng CNTT khác trong giao dịch tài chính.

2. Dịch vụ công trực tuyến mức 4 phải cung cấp công cụ tra cứu tình trạng hồ sơ xử lý và nhật ký quá trình xử lý một thủ tục hành chính trực tuyến.

3. Thông tin thông báo kết quả xử lý cho tổ chức, công dân được thực hiện qua nhiều hình thức khác nhau tùy vào điều kiện thực tế, song áp dụng hình thức thông báo qua thư điện tử và hình thức bắt buộc, khuyến khích các hình thức thông báo qua SMS hoặc hình thức khác.

4. Cung cấp chức năng hướng dẫn sử dụng, theo dõi tần suất sử dụng, quá trình xử lý và số lượng hồ sơ đã được xử lý đối với từng dịch vụ công trực tuyến.

Điều 10. Thông tin khảo sát, đánh giá dịch vụ công trực tuyến

1. Dịch vụ công trực tuyến phải cung cấp công cụ khảo sát đánh giá của công dân và tổ chức. Một số tiêu chí khảo sát đánh giá cần có như:

- a) Tính rõ ràng trong hướng dẫn thủ tục
- b) Tính chính xác của biểu mẫu.
- c) Tính tiện dụng của dịch vụ công trực tuyến.
- d) Khả năng cung cấp, xử lý dịch vụ công trực tuyến mức 3,4
- e) Thời gian xử lý dịch vụ công trực tuyến.
- f) Thái độ phục vụ của công chức thụ lý hồ sơ.

2. Các tiêu chí khác căn cứ vào bộ tiêu chí khảo sát mức độ hài lòng của công dân, tổ chức do UBND tỉnh quy định.

Điều 11. Thời hạn cung cấp, xử lý và lưu trữ thông tin.

Thời gian thực hiện quy trình dịch vụ công trực tuyến căn cứ vào thời gian giải quyết được quy định công khai tại Bộ thủ tục hành chính của mỗi đơn vị.

Điều 12. Tích hợp thông tin dịch vụ công trực tuyến.

1. Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính xác định duy nhất và được chia sẻ dùng chung trong hệ thống ứng dụng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước.

2. Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh phải được liên kết, tích hợp cơ sở dữ liệu dịch vụ công trực tuyến với Cổng thông tin điện tử của các cơ quan chuyên môn trực thuộc tỉnh, UBND cấp huyện.

3. Cổng thông tin điện tử của UBND cấp huyện phải được liên kết, tích hợp cơ sở dữ liệu dịch vụ công trực tuyến với Cổng thông tin điện tử của các cơ quan chuyên môn trực thuộc huyện, UBND cấp xã.

4. Sở Thông tin và Truyền thông là đơn vị đầu mối trong việc tổ chức tích hợp cơ sở dữ liệu dịch vụ công trực tuyến trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 13. Chế độ báo cáo tình hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

1. Thông tin tổng hợp, báo cáo hệ thống dịch vụ công trực tuyến của các đơn vị phải được liên thông với Hệ thống Một cửa của tỉnh.

2. Hằng năm, các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện có trách nhiệm báo cáo tình hình triển khai dịch vụ công trực tuyến của năm và xây dựng lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến của năm tiếp theo gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp trong quý III năm trước.

3. Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm tổng hợp và báo cáo tình hình thực hiện dịch vụ công trực tuyến hằng năm của các đơn vị lên UBND tỉnh.

Chương III

BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

Điều 14. Tổ dịch vụ công trực tuyến.

1. Đơn vị chủ quản có trách nhiệm thành lập tổ triển khai dịch vụ công trực tuyến và quy chế triển khai vận hành dịch vụ công trực tuyến của đơn vị. Tổ dịch vụ công trực tuyến bao gồm các cán bộ trực tiếp thụ lý, xử lý thủ tục hành chính.

2. Tổ dịch vụ công trực tuyến phối hợp với Ban biên tập Cổng/trang thông tin điện tử các cơ quan nhà nước để triển khai cung cấp thông tin dịch vụ công trực tuyến lên Cổng/trang thông tin điện tử các cơ quan nhà nước.

3. Cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin là bộ phận thường trực của Tổ triển khai dịch vụ công trực tuyến.

Điều 15. Kinh phí duy trì hoạt động và phát triển dịch vụ công trực tuyến.

1. Kinh phí duy trì hoạt động và phát triển dịch vụ công trực tuyến được bảo đảm từ các nguồn:

a) Ngân sách nhà nước:

- Kinh phí chi cho dịch vụ công trực tuyến của cơ quan hành chính nhà nước được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm theo các lĩnh vực chi của cơ quan.

- Kinh phí chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phục vụ dịch vụ công trực tuyến được bố trí hàng năm trong dự toán ngân sách của cơ quan để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức thuộc phạm vi quản lý.

b) Nguồn thu hợp pháp của các cơ quan, đơn vị được phép để lại sử dụng theo quy định của pháp luật.

c) Nguồn viện trợ, nguồn hỗ trợ phát triển chính thức của các nhà tài trợ.

d) Các nguồn thu từ phối hợp dịch vụ Công nghệ thông tin, Viễn thông trong quá trình triển khai dịch vụ công trực tuyến.

đ) Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan chủ quản hàng năm có trách nhiệm xây dựng kế hoạch kinh phí duy trì hoạt động của dịch vụ công trực tuyến báo cáo cơ quan quản lý cấp trên; cơ quan quản lý cấp trên xem xét, tổng hợp báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp để phân bổ kinh phí.

Điều 16. Bảo trì, bảo dưỡng, duy trì hoạt động, nâng cấp, chỉnh sửa Dịch vụ công trực tuyến.

1. Dịch vụ công trực tuyến phải được thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, chỉnh sửa, giám sát hoạt động để bảo đảm hoạt động liên tục 24 giờ trong tất cả các ngày.

2. Hàng năm, các cơ quan hành chính nhà nước phải được rà soát, đề xuất phương án nâng cấp, chỉnh sửa cho phù hợp với nhu cầu thực tế.

Điều 17. Bảo đảm đường truyền, máy móc, trang thiết bị phục vụ

1. Dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan hành chính nhà nước phải được cài đặt tập trung tại Trung tâm Thông tin dữ liệu điện tử - Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Cơ quan chủ quản có trách nhiệm trang bị đầy đủ trang thiết bị cần thiết phục vụ cho việc thu thập, xử lý và triển khai quy trình dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm khai thác hiệu quả hạ tầng công nghệ hiện có.

Điều 18. Trách nhiệm của cơ quan chủ quản

1. Thủ trưởng cơ quan chủ quản trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng, duy trì hoạt động và phát triển dịch vụ công trực tuyến; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với tổ triển khai dịch vụ công trực tuyến trong việc bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

2. Sử dụng kinh phí được phân bổ theo kế hoạch và các nguồn hợp pháp khác để bảo đảm hoạt động, duy trì và phát triển dịch vụ công trực tuyến.

3. Phê duyệt ban hành Quy chế triển khai dịch vụ công trực tuyến.

4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong việc xây dựng, duy trì hoạt động và nâng cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định.

5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình triển khai dịch vụ công trực tuyến:

Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện: gửi báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông trước ngày 01 tháng 12 hàng năm;

Đối với Sở Thông tin và Truyền thông: tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Thông tin và Truyền thông trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

Điều 19. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

- a) Hướng dẫn các đơn vị thực hiện các quy định của Quy định này.
- b) Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho dịch vụ công trực tuyến của cơ quan hành chính nhà nước.
- c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương thức và cơ chế thanh toán đối với việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến.
- d) Xây dựng các biện pháp kỹ thuật để bảo đảm an toàn thông tin và dữ liệu của các đơn vị; Xây dựng giải pháp hiệu quả chống lại các tấn công gây mất an toàn thông tin; Xây dựng phương án dự phòng khắc phục sự cố bảo đảm hệ thống hoạt động liên tục ở mức tối đa.
- đ) Xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả của các dịch vụ công trực tuyến. Qua đó, tổ chức đánh giá báo cáo UBND tỉnh tình hình hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Cổng Thông tin điện tử tỉnh thực hiện vai trò làm đầu mối kết nối mạng thông tin hành chính điện tử của tỉnh với các cơ quan trực thuộc và địa phương; Tích hợp thông tin các dịch vụ công trực tuyến của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm cân đối ngân sách tỉnh để bảo đảm kinh phí hoạt động, duy trì và phát triển dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan hành chính nhà nước

Điều 20. Thanh tra, kiểm tra

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Quy định này đối với các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trên địa bàn có triển khai dịch vụ công trực tuyến chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH